TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HSST
Ngày: 14 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Phó bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Xuân Trường;

2. Ông Trần Văn Trang - Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/HSST-QĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh năm 1976 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 8, L, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/12; con ông Phan Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1933; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ tám; có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1981 (đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan) và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/7/2012 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2014; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Xuân Trường; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 6, H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt;

2. Anh Vũ Đức H, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 6, H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt;

3. Ông Phan Văn D, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 8, L, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn T là đối tượng nghiện ma túy, khoảng 07 giờ 00 phút ngày 14/6/2017 T đi xe đạp (mượn của anh D là em họ ở cùng xóm) từ nhà đến dốc H, xã G, huyện G để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. T đã gặp một người đàn ông không quen biết hỏi mua được 02 gói chất bột dạng cục màu trắng gói bằng giấy vở học sinh với giá 200.000 đồng, cầm ở tay rồi đạp xe về. Trên đường về đến khu vực Xóm 6, H, xã X, huyện X thì bị tổ công tác Công an huyện Xuân Trường yêu cầu dừng xe kiểm tra, T đã tự giác giao nộp 02 gói chất bột màu trắng vừa mua được. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 02 gói nhỏ của T ký hiệu M. Ngoài ra còn thu giữ của T: 01 xe đạp đang sử dụng, 100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Văn T không thu giữ được gì thêm liên quan đến vụ án.

Theo kết luận giám định số 513/GĐKTGĐ ngày 15/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M gửi giám định là chất Hêrôin, tổng trọng lượng 0,313 gam.

Cáo trạng số 41/CT - VKS ngày 24/8/2017 của VKSND huyện Xuân Trường truy tố Phan Văn T về tội " *Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội " *Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu cho tiêu hủy số Hêrôin, trả lại bị cáo 100.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia.

Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nhận tội, trong lời nói sau cùng bị cáo hứa sửa chữa lỗi lầm, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng, bị cáo không khiếu nại gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận về hành vi thực hiện như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cũng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 14/6/2017, Phan Văn T đã có hành vi cất giấu trong người 0,313 (*không phẩy ba trăm mười ba*) gam Hêrôin với mục đích để sử dụng

cho bản thân. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội " *Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự**.** Cáo trạng của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo có năng lực hành vi đầy đủ, nhận thức được tác hại của ma túy, đã từng bị Tòa án kết án phạt tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng khi trở về địa phương vẫn không sửa chữa lỗi lầm, tiếp tục tàng trữ ma túy để sử dụng vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo. Tại thời điểm xét xử vụ án thì Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã được công bố. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 hiện hành. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì đây là tình tiết có lợi cho người phạm tội nên được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] *Về việc áp dụng hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo có công việc không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, có con nhỏ đang phải nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Đối với vật chứng cơ quan Công an đã thu giữ của bị cáo gồm: Số Hêrôin còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 bên trong có 01 thẻ sim Viettel và số tiền 100.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Chiếc xe đạp bị cáo sử dụng đi mua Hêrôin là xe mượn của anh Phan Văn D, khi cho mượn anh D không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh D là phù hợp với quy định của pháp luật nên không xem xét điều chỉnh.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội " *Tàng trữ trái phép chất ma túy*";

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Phan Văn T **24** (*hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 14 tháng 6 năm 2017).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số Hêrôin trong phong bì thư niêm phong số 513/GĐKTHS hoàn trả mẫu vật sau giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định;

Trả lại bị cáo Phan Văn T số tiền 100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 bên trong có 01 thẻ sim Viettel;

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 37/CCTHA và biên lai thu tiền số 05916 cùng ghi ngày 08/9/2017 được lập giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Trung Kiên